TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – HÀ NỘI** Bản án số: 294 /2025/HSST Ngày 24/12/2025	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Kim Lê

Bà Nguyễn Thị Xuân Nữ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Ánh, là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Hà Nội *tham gia phiên toà:*

Bà Nguyễn Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 288/2025/TLST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 295 /2025/QĐ- ST ngày 01 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Thị H,** sinh năm 1980; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: không; HKTT: Tổ B phường L, tỉnh Lào Cai; Cư trú: Tổ B, phường Y, Thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Trần Đức H1 (đã chết); Con bà: Nguyễn Thị H2; Chồng: Ngô Văn T (đã ly hôn); Có 01 con sinh năm 2007; Danh bản, chỉ bản số 741 lập ngày 22/4/2025 tại Công an thành phố Hà Nội; Tiền án, tiền sự: 01 Tiền sự

***Tiền sự:**

Ngày 06/11/2020, Công an huyện S, Hà Nội (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả để làm thủ tục đi tàu bay.

Bị cáo bị bắt ngày 22/4/2025, hiện đang tạm giam tại trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại:

Chị Đặng Thị Thu T1, sinh năm 1993

Cư trú: Thôn D, xã P, Thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên toà)

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: Số F Q, phường C, Thành phố Hà Nội.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2019, Trần Thị H tìm kiếm trên mạng Internet và liên hệ với một người không quen biết để mua chứng minh nhân dân giả với mục đích dùng để mở tài khoản ngân hàng vay tiền. H đặt mua và được đối tượng làm cho 01 chứng minh nhân dân dân số 013540171, mang tên Trần Thu H3, sinh ngày 05/01/1981, nguyên quán: V, Phú Thọ, nơi ĐKHKTT: Số A T, Q, Đ, Hà Nội giá 500.000 đồng. Ngày 14/5/2019, H3 sử dụng chứng minh nhân dân 013540171 đến Ngân hàng T4, số E V, phường Y, Cầu G, Hà Nội (nay là phường Y, Hà Nội) đăng ký mở tài khoản và được cấp tài khoản thanh toán số 19034202744012. Sau đó, H3 đăng ký mở tài khoản tín dụng online và được Ngân hàng T4 cấp tài khoản tín dụng số 19734202744014, hạn mức 70.000.000 đồng, ngày sao kê: 28 hàng tháng, ngày thanh toán: 12 hàng tháng. Để sử dụng tài khoản tín dụng này, ngày 26/10/2019, Ngân hàng T4 phát hành, cấp cho H3 01 thẻ tín dụng số 4220768xxxxxx7632. Thẻ tín dụng (C) cho phép người sở hữu sử dụng để thanh toán trong phạm vi hạn mức tín dụng đã được cấp theo hình thức chi tiêu trước, trả sau có thể dùng thẻ tín dụng để thanh toán trực tiếp thông qua máy quẹt thẻ POS, thanh toán trực tuyến bằng ứng dụng của ngân hàng hoặc liên kết với các ví điện tử.

Do bị mất thẻ nên ngày 18/11/2020, Ngân hàng cấp lại cho H3 thẻ tín dụng số 4220768686759869. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, H3 đã rút số tiền 70.000.000 đồng. Thời điểm này, do H3 không có tiền đáo hạn thẻ tín dụng cho ngân hàng nên đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản bằng thủ đoạn tìm kiếm người làm dịch vụ đáo thẻ ngân hàng, đưa ra các thông tin gian dối để họ chuyển tiền đáo hạn thẻ tín dụng cho H3 để hưởng phí. H3 thỏa thuận ngay sau khi người chuyển tiền đáo hạn thẻ cho H3 thì họ sẽ quẹt thẻ tín dụng của H3 qua máy quẹt thẻ POS để lấy lại toàn bộ số tiền vừa chuyển vào thẻ tín dụng. Tuy nhiên, khi họ chuyển tiền thì H3 sẽ liên hệ ngay với ngân hàng để khóa thẻ tín dụng sau đó sẽ tìm cách rút hết số tiền khách đã chuyển. Bằng thủ đoạn trên, qua mối quan hệ xã hội, H3 biết chị Đặng Thị Thúy D1 (SN 1987, HKTT: Thôn D, xã V, P, Hà Nội - nay là xã P, TP Hà Nội). Được H3 nhờ, chị D1 giới thiệu cho H3 chị Đặng Thị Thu T1 (SN 1993, HKTT: Thôn D, xã V, P, Hà Nội - nay là xã P, TP Hà Nội) là cháu của chị D1 làm dịch vụ đáo, rút thẻ tín dụng. Ngày 01/12/2020, H3 gọi điện thoại cho chị T1 nhờ đáo thẻ tín dụng mới mức phí 1,6% số tiền đáo hạn. H3 sao chép tin nhắn thông báo sao kê thẻ tín dụng 19734202744014 của ngân hàng gửi cho chị T1. Chị T1 bảo H3 gửi thẻ tín dụng để làm thủ tục đáo hạn. Khoảng 09 giờ

ngày 02/12/2020, H3 gửi xe ôm cho chị T1 chiếc thẻ tín dụng số 4220768686759869 mang tên TRAN THU HA, mã CVV 397. Để kiểm tra tình trạng thẻ, chị T1 sử dụng tài khoản 124755107 ngân hàng V của chị chuyển 100.000 đồng vào tài khoản tín dụng 19734202744014. Sau đó, chị T1 quẹt chiếc thẻ tín dụng số 4220768686759869 vào máy POS thì báo lỗi, chị T1 bảo H3 kiểm tra tình trạng thẻ. Một lúc sau, chị T1 quẹt lại thì rút được 100.000 đồng, B đều ổn. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H3 nhận tin nhắn của chị T1 báo thẻ sắp hết hạn, H3 chuyển khoản cho chị T1 1.120.000 đồng tiền phí (tức 1,6% trả phí đáo thẻ). Chị T1 dùng tài khoản ngân hàng V 19036558072011 mang tên Phạm Như T2 (SN 1989, HKTT: Cụm G xã L, TP Hà Nội – là chồng cũ của chị T1) chuyển vào tài khoản tín dụng 19734202744014 số tiền 69.900.000 đồng. Khoảng 14h30’ cùng ngày, H3 đang ngồi uống nước tại đầu ngõ A T, phường Y, Hà Nội thì nhận được thông báo từ ứng dụng ngân hàng T4 trên điện thoại về việc nhận 69.900.000 đồng trong tài khoản tín dụng 19734202744014.Để chiếm đoạt số tiền này, H3 gọi điện thoại lên tổng đài ngân hàng T4 yêu cầu khóa thẻ tín dụng 4220768686759869. Chị T1 quẹt thẻ tín dụng 4220768686759869 vào máy POS để lấy lại tiền nhưng máy POS báo lỗi. Chị T1 thử lại một vài lần nhưng vẫn không được nên gọi điện cho H3. H3 nói dối chưa nhận được thông báo của ngân hàng, đang bận họp, có thể do hệ thống ngân hàng bị lỗi, sẽ gọi điện thoại báo tổng đài ngân hàng. Sau khi H3 về nhà, mở khóa thẻ tín dụng số 4220768686759869 trên ứng dụng ngân hàng trên điện thoại rút 69.800.000 đồng trong thẻ tín dụng và chi tiêu cá nhân hết. Sau đó, H3 trốn nên chị T1 không liên hệ được với H3. Ngày 29/12/2020, chị T1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận C trình báo. Ngày 24/02/2021, chị T1 tìm gặp được H3 và yêu cầu H3 đến Công an phường T, Hà Nội (nay là Công an phường Y, Hà Nội) làm việc.

Quá trình điều tra, cơ quan Công an thu giữ của Trần Thị H 01 điện thoại di đôngh Iphone 11 Promax màu hồng lắp sim 0912666881, 01 điện thoại di động Iphone Xs Max màu đỏ, lắp sim 0969953838. Thu giữ của chị Đăngh Thị Thu T3 01ther tín dungh ngân hàng T4 số 42207686759869 mang tên “TRAN THU H” (BL85)

Tại cơ quan Công an, Trần Thị H khai nhận hành vi phạm tội nội dung vụ án nêu trên. Lời khai phù hợp với lời khai người bị hại, nhân chứng và các tài liều có trong hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra xác định ngân hàng T4 có cấp cho Trần Thị H theo đăng ký KH TRẦN THU HÀ số CMND 013540171 sinh năm 1981, nơi thường trú: số A T, phường Q, Đ, Hà Nội tài khoản tín dụng số 19734202744014 và thẻ tín dụng số 4220768686759869, các lịch sử thanh toán, giao dịch của tài khoản tín dụng trên từ ngày 01/12/2020 đến ngày 07/12/2020. Từ ngày 01/12/2020 đến 07/12/2020, KH Trần Thu H3 có yêu cầu khóa thẻ tín dụng số 4220768686759869 vào ngày 07/12/2020 do KH báo mất thẻ và có đăng ký cấp thẻ tín dụng khác số 422076XXXXXX3746 giữ nguyên tài khoản thẻ tín dụng cùng lịch sử sử dụng, thanh toán thẻ phù hợp với lời khai của H3 và chị T3. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng từ năm 2019 và hoạt động bình thường theo quy định tín dụng. Sau thời gian sử dụng thì đến thời điểm hiện tại thẻ tín dụng nêu trên đã bị khóa, H3 vẫn thực hiện thanh toán đáo hạn cho ngân hàng. Do khoản nợ trên đã quá hạn nên Chi nhánh Đ đã chuyển hồ sơ đến bộ phận thu hồi nợ của Ngân

hàng T4.Ngoài ra, ngân hàng T4 còn cho biết H3 mở 01 tài khoản thanh toán số 19034202744012 ngày 14/05/2019 với 03 thẻ hiện đều ở trạng thái khóa như sau: 422149XXXXXX9295, 422149XXXXXX9677, 422150XXXXXX2443. Hiện nay Ngân hàng chưa cung cấp được các giao sao kê đánh giá toàn bộ quá trình H3 sử dụng thẻ tín dụng.

Quá trình điều tra, ngày 20/8/2025 VKSND khu vực 4 – Hà Nội đã có quyết định trả hồ sơ số 04/ QĐ – VKSKV4 để điều tra bổ sung làm rõ hành vi làm giả, sử dụng chứng minh thư nhân dân giả của Trần Thị H nhưng cơ quan điều tra không thu giữ được chứng minh nhân dân giả của Trần Thị H đồng thời Ngân hàng T4 chưa có văn bản trả lời liên quan đến số tiền và quan điểm giải quyết của ngân hàng đối với khoản nợ quá hạn của thẻ tín dụng số 4220768686759869 mà Trần Thị H mở tại Ngân hàng. Do vậy, đối với hành vi H sử dụng chứng minh nhân dân giả để đăng ký, mở tài khoản, thẻ tín dụng tại ngân hàng T4, Cơ quan điều tra đã tách phần tài liệu liên quan để tiếp tục điều tra, xử lý sau. (BL57, 58)

Về dân sự: Quá trình điều tra, Trần Thị H đã trả cho chị T3 số tiền 30.000.000 đồng. Chị T3 yêu cầu H phải tiếp tục bồi thường số tiền 38.780.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên.

Bản cáo trạng 83/CT - VKS ngày 20/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội quyết định truy tố bị cáo Trần Thị H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 34 tháng tù;

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ tín dụng ngân hàng T4 số 42207686759869 mang tên "TRAN THU HA";

+ Tịch thu sung công 01(một) điện thoại Iphone 11 Promax, lắp sim số 0912666881;

+ Trả lại cho bị cáo 01 (một) điện thoại Iphone Xs Max, lắp sim 0969953838;

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo H đã trả cho người bị hại số tiền 30.000.000đồng, chị T3 yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 38.780.000đồng nên buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị T3 số tiền 38.780.000đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự 200.000 đồng quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra – Công an thành phố Hà Nội; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại , người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác, đủ cơ sở kết luận:

Năm 2019, Trần Thị H được Ngân hàng K (T4) cấp tài khoản tín dụng 19734202744014 hạn mức 70.000.000 đồng. Do đã tiêu hết số tiền trong tài khoản, không có tiền để đáo hạn thẻ ngân hàng nên ngày 01/12/2020, H đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 69.900.000đồng của chị Đặng Thị Thu T1 thông qua hình thức đáo hạn thẻ ngân hàng. Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Hà Nội truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội. Bị cáo là thanh niên đang trong độ tuổi lao động, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng không tìm cho mình một việc làm có thu nhập hợp pháp mà chủ động lợi dụng lòng tin của người bị hại, gian dối trong việc đáo hạn thẻ ngân hàng để chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Mặc dù ngày 06/11/2020, Công an huyện S, Hà Nội (cũ) xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng giấy chứng minh nhân dân giả nhưng bị cáo vẫn tiếp tục phạm tội, đủ thấy thái độ coi thường pháp luật của bị cáo. Do vậy, cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo, cách ly bị cáo khỏi đời sống chung xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét thái độ của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, thành khẩn khai nhận tội, đã khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại; Bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1 điều 51 Bộ luật hình sự;

[5]. Về dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo H đã trả cho người bị hại số tiền 30.000.000đồng, chị T1 yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền 38.780.000đồng nên buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho chị T1 số tiền 38.780.000đồng.

[6].Vật chứng vụ án: 01 thẻ tín dụng của ngân hàng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu tiêu hủy; 01 điện thoại Iphone 11 Promax bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung công; 01 (một) điện thoại Iphone Xs Max là tài sản của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

[7]. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: bị cáo Trần Thị H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; Điều 38; Điểm s, b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/4/2025.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự; Điều 2, 6,7, 9 Luật thi hành án;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Q;

3.Vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ tín dụng ngân hàng T4 số 42207686759869 mang tên "TRAN THU H";

- Tịch thu sung công: 01(một) điện thoại Iphone 11 Promax màu xanh, bên trong lắp 01 sim (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy -Tại thời điểm kiểm tra không xác định được số sim)

- Trả lại cho bị cáo: 01 (một) điện thoại Iphone Xs Max màu đỏ, lắp 01 sim (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, tình trạng máy -Tại thời điểm kiểm tra không xác định được số sim)

(Theo biên bản giao nhận vật chứng số 150/26 giữa cơ quan Cảnh sát Điều tra – Công an thành phố Hà Nội với Thi hành án dân sự Khu vực 4 – Hà Nội)

4. Về dân sự: Buộc bị cáo phải bồi tthường cho chị Đặng Thị Thu T1 số tiền là 38.780.000 đồng;

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản nợ gốc kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này, theo mức lãi suất 10%/ năm (theo Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.939.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo phần liên quan đến quyền và lợi ích của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng
- VKS ND khu vực 4 – Hà Nội
- Công an thành phố Hà Nội
- THA dân sự khu vực 4 – Hà Nội
- Lưu HS

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tuyết